

Bản án số: 17/2020/DS-ST

Ngày: 06-5-2020.

“V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Quang Kim Cúc;

Ông Nguyễn Phát Triển

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Phát Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2019/TLST-DS, ngày 20/12/2019, “V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-DS ngày 16/3/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 236/2020/QĐST-DS ngày 09/4/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Võ Phương T, sinh năm 1971;

Địa chỉ: ấp LH2, xã LH, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp LT, xã LH, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông T có mặt, ông T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Võ Phương T trình bày: Vào thời gian năm 2018 ông Nguyễn Thanh T1 hợp đồng mua 3.376 kg quýt hồng của ông Võ Thanh Phương với giá 25.000đ/kg. Tổng tiền 84.400.000đ, ông T1 đã trả dần được 55.400.000đ. Sau nhiều lần yêu cầu ông T1 trả số tiền nợ còn lại nhưng ông T1 không thực hiện.

Nay ông T yêu cầu giải quyết buộc ông T1 phải hoàn trả số tiền còn nợ lại là 29.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn Nguyễn Thanh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng

nếu để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả tiền mua bán quýt còn nợ nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản” theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn Nguyễn Thanh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tuy nhiên bị đơn có nộp đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, việc Võ Phương T yêu cầu Nguyễn Thanh T1 trả tiền mua quýt hồng còn nợ là 29.000.000đ, ngoài ra không yêu cầu gì. Để chứng minh cho yêu cầu của mình ông T đã xuất trình được toa hàng, Tòa án đã thông báo cho ông T1 biết về các tài liệu, chứng cứ mà ông T đã giao nộp cho Tòa án, trong đó có biên nhận vay tiền thông qua Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bị đơn vẫn không có ý kiến thể hiện sự phản đối đối với chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án, đồng thời cũng không giao nộp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền lợi cho mình hoặc có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn. Điều này, chứng tỏ rằng ông T1 đã không phản đối đối với chứng cứ mà ông T đã giao nộp cho Tòa án. Do đó Hội đồng xét xử nhận định việc ông T1 còn nợ số tiền mua quýt hồng của ông T số tiền 29.000.000 đồng là có thật nên ông T1 phải có nghĩa vụ trả cho ông T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Võ Phương T được chấp nhận nên bị đơn Nguyễn Thanh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Võ Phương T về việc yêu cầu bị đơn Nguyễn Thanh T1 trả tiền mua quýt hồng còn nợ là 29.000.000đ.

Buộc ông Nguyễn Thanh T1 phải có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền 29.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả **số tiền trên** thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí, tạm ứng án phí:

- Nguyễn Thanh T1 phải chịu 1.450.000đồng (một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Võ Phương T được nhận lại tiền tạm ứng án phí 735.000đ theo biên lai số 0001936 ngày 18/12/2019 của Chi cục thi hành án huyện Lai Vung.

3. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 06/5/2020. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Trọng Hiếu